

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 438/2022/DS-PT

Ngày: 19 - 9 - 2022

V/v Tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021, về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày: 29 - 4 - 2021 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 314/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp M, xã Ph, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Nhật Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp M, xã Ph, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Minh H, sinh năm 1970.

Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1971.

Người đại diện hợp pháp chị Ph: anh Nguyễn Minh H sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1969.
2. Đỗ Thị L, sinh năm 1975;
3. Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2000;
4. Nguyễn Khánh Tr, sinh năm 2003;
5. Nguyễn Huỳnh Th, sinh năm 1992;
6. Nguyễn Uyển Th, sinh năm 1996;

Người đại diện hợp pháp anh Th, chị Th: Anh Nguyễn Minh H

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1980;
8. Nguyễn Văn Bé H, sinh năm 1961;
9. Nguyễn Thị M, sinh năm 1937;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Ph, huyện M, Đồng Tháp.

10. Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1963;
11. Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

12. Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1973;
13. Lê Thị E, sinh năm 1944;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

14. Huỳnh Văn Kh, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp M, xã Ph, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Uyển Th, Nguyễn Huỳnh Th và ông Nguyễn Văn Bé N, Đỗ Thị L, Nguyễn Thị Mỹ D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Y; chị Nguyễn Thị Kim Ph và Người đại diện hợp pháp chị Ph là anh Dương Nhật Đ trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Nh có tổng diện tích 24.005m² gồm các thửa: Thửa 884 diện tích 1.968m² là đất thổ; thửa 881, diện tích 2.425m² là đất lâu năm khác và thửa 849 diện tích 19.612m² là đất lúa, cùng

tờ bản đồ số 01, được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/12/1995.

Năm 2012, ông Nh làm thủ tục tặng cho hai anh trai cùng cha khác mẹ là Nguyễn Văn Bé N diện tích 2.393m² và Nguyễn Minh H diện tích 6.000m², còn lại diện tích 15.612m² là đất lúa, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần 02 vào năm 2012. Do ông Nh tuổi cao, sức yếu không canh tác được nên cho chị Nguyễn Thị Kim Y thuê diện tích 9.000m².

Ngày 12/8/2016, ông Nh đến Ủy ban nhân dân xã Ph lập di chúc cho ba chị em gồm Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Thị Kim Ph và Nguyễn Thị Kim L mỗi người được hưởng diện tích 5.204m².

Ngày 16/01/2017, ông Nh bị bệnh chết, đến ngày 06/02/2017 chị Y chuẩn bị chở lúa giống xuống phần đất ông Nh cho để xạ lúa, thì anh H và anh Bé N là anh em cùng cha khác mẹ ngăn cản, không cho chị xuống giống.

Nay, chị Y và chị Ph yêu cầu anh H và anh Bé N giao trả lại cho chị Y, chị Ph mỗi người một phần đất diện tích 5.204m² theo di chúc lập ngày 12/8/2016.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:

Không đồng ý lời trình bày của chị Y và chị Ph. Vì đây là phần đất của “*Hộ gia đình*”. Ông Nh tự ý lập di chúc cho chị Ph, chị Y là không phù hợp pháp luật, nên anh không đồng ý giao đất. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Di chúc do ông Nguyễn Văn Nh lập ngày 12/8/2016 là vô hiệu.

Buộc chị Kim Ph giao trả bản chính 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nh nhận đứng tên tại thửa 1617, 1618 và 1619 cấp cùng ngày 25/8/2016.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Bé N trình bày:

Trước khi chết vào năm 2015, ông Nh có cho anh phần đất diện tích 6.000m², cho không làm giấy tờ, khi ông Nh còn sống thì cho anh thuê một năm với giá 14.000.000 đồng.

Ông Nh và bà E không có tài sản chung. Hiện tại, anh không có tranh chấp với chị P và chị Y. Ông Nh chết không để lại di chúc, nên không đồng ý theo yêu cầu của bà Ph và bà Y.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Bé H trình bày:

Lúc sinh thời, ông Nh có kêu anh chở đi đến Ủy ban nhân dân xã Ph để tách bằng khoán cho 03 người con gái được hưởng 10 công đất giáp đầu ngàn. Nhưng anh H không chịu ký giáp ranh, nên cha lập di chúc cho 03 người em gái hết phần còn lại. Anh không yêu cầu gì hết, do đã hưởng rồi.

Ông Nh với bà E không có tài sản chung. Anh yêu cầu thực hiện theo di chúc của ông Nh cho các em gái và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Bé B trình bày:

Anh là con của ông Nh và bà Anh, trước giải phóng mẹ anh chết. Ông Nh kết hôn tiếp với mẹ anh H là bà E; ông Nh và bà E không có tài sản chung. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nh được ông, bà để lại. Trước khi ông Nh chết 01 năm, anh có nghe ông Nh nói lập di chúc.

Trong vụ kiện này, anh không yêu cầu chia thừa kế gì với chị Ph, chị Y và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Chị là con ruột của ông Nguyễn Văn Nh và bà Lê Thị E. Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa chị Ph, chị Y và Minh H là do ông bà nội để lại cho cha, còn việc cha tôi lập di chúc như thế nào, chị không biết.

Trong vụ kiện này chị không yêu cầu chia thừa kế gì với chị Ph, chị Y và xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Đ trình bày:

Cha mẹ của anh có bốn người con gồm chị Nguyễn Thị Bé T, anh Nguyễn Văn Bé N, anh Nguyễn Minh H và anh. Cha mẹ có tài sản chung hay không anh không biết, chỉ biết đất của ông Nh do ông nội để lại. Hiện ông Nh lập di chúc để cho các em, anh không tranh chấp gì với chị Y, chị Ph và xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M (vợ sau của ông Nh) trình bày:

Năm 1977, bà kết hôn với ông Nh có 03 con chung là Ph, Y, L. Bà và ông Nh không có tài sản chung. Bà không có tranh chấp gì với chị Ph, Y và L và xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn Kk trình bày:

Anh là con của ông Nh và bà Huỳnh Thị Đ, ông Nh và bà Đ không có tài sản chung. Bà Đ chết năm 2017. Ông Nh lập di chúc cho các em Ph, Y thì Ph, Y nhận. Anh không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất tranh chấp này vì lúc sinh thời anh được ông Nh cho 4.000m² rồi và xin xét xử vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 101, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 623, 624, 625, 628, 630, 635 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 100, 168 Luật đất đai;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim Y được nhận di sản của ông Nguyễn Văn Nh để lại diện tích 5.204m² và chị Nguyễn Thị Kim Ph được nhận diện tích 5.204m² thuộc thửa 1617, 1618 (đo đạc thực tế 11.041m²), cùng tờ bản đồ số 01, do ông Nguyễn Văn Nh đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Minh H đòi tuyên bố Di chúc do ông Nguyễn Văn Nh lập ngày 12/8/2016 vô hiệu và yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Ph giao trả bản chính 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 1617, 1618 và 1619 do ông Nguyễn Văn Nh đứng tên.

3. Buộc hộ anh Nguyễn Minh H (gồm Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Huỳnh Th, Nguyễn Uyển Th) và hộ anh Nguyễn Văn Bé N (gồm Đỗ Thị L, Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Khánh Tr) giao trả cho chị Y, chị Ph phần đất thuộc thửa 1617, 1618, cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp M, xã P, huyện M, Đồng Tháp.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2017 và Biên bản xem xét thẩm định lại ngày 12/8/2020 của Tòa án huyện M và Bản đồ trích đo + sơ đồ mốc ngày 28/01/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Tỉnh).

4. Buộc hộ anh Nguyễn Minh H và hộ anh Nguyễn Văn Bé N di dời toàn bộ cây trồng trên đất gồm mít, sầu riêng và hệ thống tưới nước tự động giao trả phần đất cho chị Ph và chị Y.

5. Chị Nguyễn Thị Kim P và chị Nguyễn Thị Kim Y có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích đất theo quy định của pháp luật đã được Tòa án chấp nhận nêu trên.

6. Chi phí tố tụng:

Buộc hộ anh Nguyễn Minh H trả lại cho chị Yến 1.751.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ.

Buộc hộ anh Nguyễn Văn Bé N trả lại cho chị Phi 1.751.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Kim Ph và chị Nguyễn Thị Kim Y phải nộp 29.610.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 7.155.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10061 ngày 05/4/2017, và 7.230.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10062 ngày 05/4/2017, tổng cộng: 16.527.000đ, chị

Yến và chị Phi nộp tiếp 13.083.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

- Anh Nguyễn Minh H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001161 ngày 21/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm Anh H, chị Ph và con là Nguyễn Uyên Th, Nguyễn Huỳnh Th kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của chị Ph và chị Y.

Anh Bé N, chị L và con là Mỹ D kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu xem xét không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của chị Ph và chị Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Y, Anh Đ, anh N, anh H, chị L. Luật sư Tr có mặt và khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

- Anh H trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ranh đất giữa anh và đất cụ Nh là chưa thống nhất. Anh yêu cầu xác định ranh đất của anh xong, sau đó mới xác định ranh đất của cụ Nh. Do Tòa án sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của anh về ranh đất nên anh không xác định chỉ ranh đất để đo đạc.

- Luật sư Tr trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết toàn diện vụ án; nhất là đồng thừa kế chị L chưa được có lời đi. Anh H chưa xác định việc thay đổi hiện trạng, thay đổi ranh đất của anh H. Anh H, anh N chưa xác định công sức quản lý đất của anh H, anh N. Phải xem xét thủ tục thông báo cho các đương sự, yêu cầu trình bày của anh H, gia đình anh H. Chia đất cho chị Ph, chị Y là dư hơn di chúc mà chưa xem xét toàn diện công sức hộ gia đình. Nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- Anh N trình bày: Yêu cầu xem xét lại toàn bộ di chúc, đất là của hộ gia đình. Anh yêu cầu chia cho anh 6 công đất theo ý kiến trước đây ông Nh đã cho anh. Ranh đất giữa ông H với ranh đất ông Nh do anh N quản lý đang tranh chấp ranh đất do anh H lấn ranh, anh không thống nhất.

- Chị L trình bày: Chị yêu cầu chia một phần đất theo di chúc nhưng chia vị trí đất chừa lại cho chị như Tòa án cấp sơ thẩm chị không đồng ý. Chị không nhận được thông báo, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm về việc đo đạc, phân chia phần đất chừa lại cho chị L. Chị L đề nghị xem xét yêu cầu của chị.

- Anh Đ trình bày: Đất dư cũng nằm trong phần đất thừa kế không ảnh hưởng; chị L do không có yêu cầu ở Tòa án cấp sơ thẩm nên đề nghị xem xét yêu cầu của chị Ph.

- Chị Y không có ý kiến tranh luận, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; thu thập không đầy đủ chứng cứ về nội dung nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Thành phần những người tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng thì các đương sự thống nhất không có yêu cầu bổ sung hay khiếu nại gì.

[2] Về nội dung vụ án tranh chấp giữa các đương sự; Tòa án cấp sơ thẩm qua thu thập chứng cứ và xác định:

[2.1] Về quan hệ nhân thân: Ông Nguyễn Văn Nh có 4 đời vợ, 10 người con:

+ *Đời vợ thứ nhất*: Ông Nh với bà Huỳnh Thị A có 02 người con tên Nguyễn Văn Bé H và Nguyễn Văn Bé B. Ông Nh và bà A không có tài sản chung.

+ *Đời vợ thứ hai*: Ông Nh với bà Lê Thị E, có 04 người con gồm: Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Văn Bé N, Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh Đ. Ông Nh và bà E không có tài sản chung.

+ *Đời vợ thứ ba*: Ông Nh với bà Nguyễn Thị M, sống chung có 03 người con: Nguyễn Thị Kim Ph, Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Thị Kim L. Ông Nh và bà M không có tài sản chung.

+ *Đời vợ thứ tư*: Ông Nh với bà Huỳnh Thị Đ (là em của bà Huỳnh Thị A) có một người con tên Huỳnh Văn Kh. Ông Nh và bà Đ không có tài sản chung.

[2.2] Về nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 15.612m² có nguồn gốc từ cụ Nguyễn Văn Ng cho ông Nh.

Ông Nh đăng ký lần đầu vào ngày 20/8/1994 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 24.005m² gồm 03 thửa. Năm 2012, ông Nh làm thủ tục tách thửa 06 thửa. Năm 2013, ông Nh làm thủ tục tặng cho:

Tặng cho anh Bé N thửa 1426 diện tích 1.200,2m², đất thổ và thửa 1427 diện tích 1.192,8m², đất lâu năm.

Tặng cho anh Nguyễn Minh H thửa 1425 diện tích 767,8m² đất thổ; thửa 1423 diện tích 4.000m², đất lúa và thửa 1428 diện tích 1.232,2m², đất lâu năm.

Còn lại thửa 1424 diện tích 15.612m^2 , đất lúa. Ngày 12/8/2016 ông Nh lập di chúc cho đất chị Y, chị Ph, chị L.

Ngày 25/8/2016, ông Nh được cấp giấy đất theo thủ tục tách thửa 1424 diện tích 15.612m^2 đất lúa, tách thành 03 thửa: thửa 1617 diện tích 5.710m^2 ; thửa 1618 diện tích 4.179m^2 và thửa 1619 diện tích $5.722,4\text{m}^2$.

[3.3] Về quá trình và hiện trạng sử dụng đất chia thửa kể: Năm 2009, ông Nh cho chị Y thuê 9.000m^2 với giá 13.000.000 đồng 14.000.000 đồng/01 năm, phần còn lại hơn 6.000m^2 anh H canh tác. Năm 2017, sau khi ông Nh chết, anh H lấy phần đất cho chị Y thuê lại và thỏa thuận với anh Bé N chia hai mỗi bên sử dụng một nửa. Anh H sử dụng phần đất ông Nh cho từ bờ ranh hiện trạng giữa đất của anh và đất của ông Nh thẳng ra kênh 1000, cũng là ranh giữa thửa 1317 và 1618. Còn anh Bé N sử dụng phần đất còn lại.

Đo đạc ngày 12/7/2017 nhưng anh H và anh Bé N không đồng ý ký tên. Hiện trạng lúc xem xét thẩm định tại chỗ thửa 1617 và thửa 1618 đang trồng “rau nhút”. Ngày 12/8/2020, hiện trạng đất bị thay đổi, thửa 1618 anh H lên lớp trồng mít và thửa 1617 anh Bé N đã lên lớp trồng mít và sầu riêng.

Phần cây trồng trên đất là mít, hệ thống tưới nước tự động và công lên lớp, anh H ước tính khoảng 68.000.000đ nếu chấp nhận yêu cầu thì anh đồng ý di dời trả đất. Anh Bé N trồng gồm 266 cây mít và 44 cây sầu riêng, định giá ngày 18/11/2020 là 60.627.000 đồng. Anh N không dự phiên tòa nên không xem xét.

Đối với anh H cho rằng, nguồn gốc đất đang tranh chấp cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Nh diện tích khoảng 24.000m^2 , thời điểm này hộ gia đình gồm có ông Nh, anh H và anh Bé N. Năm 1996, ông Nh không ở chung anh mà cất nhà ra ở riêng. Năm 2013, ông Nh làm thủ tục phân chia cho các thành viên trong hộ là anh H, anh Bé N và đã được cấp quyền sử dụng đất. Diện tích còn lại của ông Nh 15.612m^2 cũng là cấp cho hộ gia đình. Anh H thừa nhận di chúc lập ngày 12/8/2016 do ông Nh lập, nhưng đất của hộ gia đình nên việc ông Nh lập di chúc là sai. Nên anh H yêu cầu tuyên bố Di chúc do ông Nh lập ngày 12/8/2016 là vô hiệu.

Xét quá trình cấp đất và sử dụng đất thì đất tài sản của cá nhân ông Nh. Giấy cấp cho hộ ông Nh gồm có vợ con anh H và vợ con anh Bé N, nhưng các thành viên trong hộ không có đóng góp gì để cùng nhau tạo lập nên tài sản này. Do không chấp nhận yêu cầu của anh H đòi tuyên bố di chúc ông Nh lập ngày 12/8/2016 vô hiệu và trả bản chính 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nh cho anh H.

[4] Theo anh Đ đại diện chị Ph và chị Y yêu cầu: theo nội dung di chúc chị Ph, chị Y mỗi người được nhận phần đất 5.024m^2 , tổng cộng 10.048m^2 . Căn cứ vào hồ sơ tách thửa đất năm 2016, chị Y yêu cầu đất thửa 1617 diện tích 5.710m^2

(đo đạc thực tế 6.641m^2) và đất chị Ph yêu cầu thừa 1618 diện tích 4.179m^2 (đo đạc thực tế 4.400m^2), phần còn lại của chị L thừa 1619 diện tích $5.722,4\text{m}^2$ (đo đạc thực tế $6.393,8\text{m}^2$). Yêu cầu anh N và anh H giao trả phần đất đo đạc thực tế trên cho chị Ph và chị Y.

Trường hợp, yêu cầu của chị Ph và chị Y được chấp nhận thì chị Ph với chị Y tự thỏa thuận điều chỉnh ranh. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị P và chị Y .

[5]. Đối với chị L là người được chỉ định nhận di sản trong tờ di chúc, nhưng chị không yêu cầu và có đơn xét xử vắng mặt nên không xem xét.

[6]. Đối với hàng thừa kế thứ nhất của ông Nh gồm: Anh Nguyễn Văn Bé H, Nguyễn Văn Bé B; bà Lê Thị E, chị Nguyễn Thị Bé T, anh Nguyễn Minh Đ; bà Nguyễn Thị M và anh Huỳnh Văn Kh không yêu cầu chia thừa kế và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên không xem xét.

[7] Đồng thời căn cứ vào đây quyết định án phí, chi phí tố tụng các đương sự vụ án phải chịu theo quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm hộ anh H và hộ anh Bé N kháng cáo bản án nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph, chị Y.

[8] Xét kháng cáo hộ anh H, hộ anh N. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá Tòa án sơ thẩm sai sót về thủ tục tố tụng: Ra quyết định đưa vụ án xét xử; quyết định hoãn phiên tòa thì thụ lý yêu cầu phản tố của anh H về hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Xong Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên hòa giải và tiếp tục xét xử cùng ngày ra bản án 29/4/2021 mà không ra lại quyết định đưa vụ án xét xử mới lại.

[9] Đồng thời, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đương sự không có đơn tranh chấp chia thừa kế, đơn xin vắng mặt nên không tổng đạt thủ tục tố tụng, thông báo, bản án cho các đương sự biết là không đảm bảo quyền lợi đương sự theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Cụ thể đối với chị L là người đồng thừa kế theo di chúc trong vụ án chưa khởi kiện tranh chấp nhưng không từ chối nhận di sản; sau khi chị L có đơn thì Tòa án không còn thông báo về việc giải quyết vụ án nữa. Do đó khi đo đạc đất, phân chia đất chị L không biết vị trí đất còn lại chưa chia chưa lại cho chị L ở phía sau hậu; còn chị Y, chị Ph thì phần đất mặt tiền giáp thủy lợi, đường đi. Chị L không nhận được bản án (do Tòa án tổng đạt cho chị Ph nhận thay bản án và thông báo kháng cáo cho chị L) nên chị L không biết và không kháng cáo; nay chị L không đồng ý.

[10] Đối với Di chúc ngày 12/8/2016 ông Nh chỉ ghi diện tích cho đất cho chị Ph, chị Y, chị L mỗi người con là 5.024m^2 theo GCN đất cũ diện tích 15.612m^2 cấp năm 2012; không ghi vị trí phân chia đất. Sau khi lập di chúc thì ông đã được cấp đổi giấy chứng nhận mới vào ngày 25/8/2012 thành 03 thửa đất, diện tích khác nhau: Thửa 1617 diện tích 5.710m^2 , thửa 1618 diện tích 4.179m^2

và thửa 1619 diện tích 5.722,4m².

- Như vậy đối tượng theo di chúc không còn được xác định. Đồng thời đất theo giấy 15.612m² đo đạc thực tế 17.434,8m² tăng lên là 1.822,8m². Chưa xác định rõ tăng lên từ đâu, các đương sự có ý kiến, yêu cầu như thế nào. Đất do anh H, anh N quản lý; anh H có đất giáp ranh với đất phân chia đã không thống nhất ranh đất với ông Nh, anh N, được anh Nguyễn Văn Bé H xác nhận. Hiện nay anh N cũng không thống nhất với anh H với nhau về ranh đất đang quản lý.

- Việc anh Đ cùng đại diện cho chị Ph, chị Y là không khách quan. Dẫn đến việc chấp nhận yêu cầu, quyết định cho chị Y, chị Ph mỗi người được nhận diện tích 5.204m² thuộc thửa 1617, 1618 (đo đạc thực tế 11.041m² dư lên theo yêu cầu là 633m²) nhưng không nêu rõ diện tích dư xử lý cho ai; vị trí, diện tích mỗi người được nhận bao nhiêu. Nay Chị Y, chị Ph không thỏa thuận được vị trí, diện tích đất được chia. Chị L không đồng ý diện tích đất phân chia còn lại cho chị, hiện nay đã khởi kiện tranh chấp.

Do đó việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận việc ủy quyền chị Ph, chị Y cho anh Đ; không tiến hành thủ tục cho chị L đúng quy định. Chưa làm rõ lý do ông Nh đăng ký đổi lại quyền sử dụng đất làm ảnh hưởng đến nội dung di chúc; ranh đất tranh chấp với đất ông H; diện tích đất thừa kế tăng lên là từ đâu; các đồng thừa kế thỏa thuận nhau về vị trí đất theo di chúc, bản án phân chia đất không rõ ràng giữa các nguyên đơn làm không thể thi hành được. Do nhưng vi phạm về thủ tục tố tụng nghiêm trọng trên mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để giao cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng trình tự quy định pháp luật.

Do hủy bản án sơ thẩm về kháng cáo của hộ gia đình anh H, anh N chưa xem xét.

[11] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy bản án sơ thẩm.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Uyên Th, Nguyễn Huỳnh Th và ông Nguyễn Văn Bé N, Đỗ Thị L, Nguyễn Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí

Tòa án.

Tuyên xử:

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M .

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí khác sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Anh Nguyễn Minh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh Hữu được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0015197 ngày 10/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

+ Anh Nguyễn Văn Bé N, Lê Thị L, Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0014855 ngày 13/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M

+ Chị Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Uyên Th, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo các Biên lai số 0001612, 0001624, 0001623 cùng ngày 17/11/2021 (do Nguyễn Minh H nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh đồng Tháp;
- Tòa án huyện Mi;
- Chi cục THADS huyện M
- Phòng KTNV&THA Tỉnh
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Chí Tâm